

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

Số: 446 /NMĐSH1-TM

V/v cung cấp báo giá đơn hàng “Cung cấp dịch vụ đào tạo và hướng dẫn xây dựng hệ thống quản lý phòng thí nghiệm của NMĐ Sông Hậu 1 theo ISO/IEC 17025:2017”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cần Thơ, ngày 06 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ “Cung cấp dịch vụ đào tạo và hướng dẫn xây dựng hệ thống quản lý phòng thí nghiệm của NMĐ Sông Hậu 1 theo ISO/IEC 17025:2017”. NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị đơn vị quan tâm, cung cấp báo giá cho công tác mua sắm dịch vụ nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: Chi tiết như phụ lục đính kèm.
2. Thời gian thực hiện dịch vụ: Chi tiết như phụ lục đính kèm.
3. Địa điểm thực hiện công việc: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, TP Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 15h00 ngày 20/03/2026.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.
7. Thông tin liên hệ:
Người nhận: Phòng Thương mại - NMNĐ Sông Hậu 1
Địa chỉ: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, TP Cần Thơ
Email: huongpt02@pvpgb.vn; giangtth@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn; longpx@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

NMNĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự quan tâm và hợp tác của Quý Công ty./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD NMĐSH1: N.V.Chính (đề b/c);
- Lưu: VT, TM (P.T.H.02).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Khánh Duy

PHỤ LỤC: PHẠM VI CÔNG VIỆC

(Đính kèm công văn số **AA6** /NMĐSH1-TM ngày **06**/03/2026)

I. Phạm vi công việc

1. **Số lượng học viên:** 10-15 người / 01 lớp học

2. Thời gian, địa điểm và hình thức đào tạo

- Thời gian tổ chức đào tạo: Trong tháng 4 năm 2026;
- Địa điểm tổ chức đào tạo: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1;
- Hình thức đào tạo: Trực tiếp, tập trung;
- Đơn vị đào tạo cung cấp tài liệu hướng dẫn cho học viên trước thời gian tổ chức đào tạo: 7 ngày.

3. Yêu cầu về giảng viên

- Giảng viên trực tiếp giảng dạy lớp đào tạo và hướng dẫn xây dựng hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo ISO/IEC 17025:2017 phải đáp ứng điều kiện sau: Giảng viên giàu kinh nghiệm về nội dung giảng dạy, đã từng tham gia đào tạo và hướng dẫn xây dựng hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo ISO/IEC 17025:2017.

4. Nội dung đào tạo

- **Lĩnh vực áp dụng:** Thử nghiệm Hoá cho sản phẩm than (bao gồm 15 chỉ tiêu/phép thử như Mục II).
- **Phạm vi công việc đào tạo:**

Stt	Phạm vi công việc
1	Đào tạo đánh giá viên nội bộ hệ thống quản lý Phòng thí nghiệm theo ISO/IEC 17025:2017.
2	Hướng dẫn xây dựng tài liệu hệ thống quản lý Phòng thí nghiệm theo ISO/IEC 17025:2017 và yêu cầu bổ sung của tổ chức công nhận: - Khảo sát và lập kế hoạch xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý theo ISO/IEC 17025:2017. - Hướng dẫn xây dựng tài liệu dựa trên các yêu cầu của ISO/IEC 17025:2017. - Hướng dẫn áp dụng thử hệ thống tài liệu theo ISO/IEC 17025:2017. - Xem xét và chỉnh sửa hệ thống tài liệu theo ISO/IEC 17025:2017. - Rà soát tài liệu và hệ thống quản lý chất lượng trước khi công nhận. - Theo dõi và hướng dẫn việc sửa chữa các thiếu sót do tổ chức công nhận đánh giá.
3	Hướng dẫn thực hiện phê duyệt phương pháp thử, tính toán độ không đảm bảo đo và đảm bảo giá trị sử dụng kết quả thử nghiệm.



II. Danh mục chỉ tiêu/phép thử

Stt	Tên sản phẩm, vật liệu thử	Tên phép thử	Phương pháp thử	Ghi chú
1	Than (Coal)	Manual sampling	ISO 18283:2022	
2		Coal size (0-50mm và 50-75mm)	ISO 1953:2025	
3		Total Moisture (ARB, %)	ISO 589:2008	
4		Inherent Moisture (ADB, %)	ISO 11722:2013	
5		Ash content (ADB, %)	ISO 1171:2024	
6		Volatile matter (ADB, %)	ISO 562:2024	
7		Fixed carbon (ADB, %)	ISO 17246:2024	
8		Total sulphur content (ADB, %)	ISO 19579:2006	)
9		Ultimate analysis (Carbon, Hydrogen, Nitrogen) (ADB, %)	ISO 29541:2025	
10		Chlorine (ADB, %)	ISO 587:2020	
11		Oxygen (ADB, %)	ISO 17247:2020	
12		Hardgrove Grindability Index (HGI)	ISO 5074:2015	
13		Calorific value -Net Calorific value (ARB, Kcal/kg) -Gross Calorific value (ARB, Kcal/kg) -Gross Calorific value (ADB, Kcal/kg)	ISO 1928:2025	
14		Ash Fusion (Reducing) initial deformation (oC)	ISO 540:2025	
15		Ash Component (Na ₂ O) (DB,%)	ASTM D3682-21	